

BẢNG ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
KHÓA 10 (2018-2020) - KỲ THI NGÀY 03/07/2020

Môn: Chính trị

Giờ thi: 08h00'

Ngành: Tất cả các ngành

Phòng thi: GD2

Địa điểm : Số 1 Đoàn Kết, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

S T T	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	160200001	MN01	CT29	Lê Thị Kim	Anh	15/07/1999	7.0	Bảy	CS2 TL
2	25804674	MN02	CT30	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	08/10/1998	7.0	Bảy	TL
3	25501799	MN03	CT31	Nguyễn Ngọc Như	Thủy	11/01/1997	5.0	Năm	CS2 TL
4	25543143	MN04	CT32	Hoàng Ngọc Quỳnh	Trang	02/05/1997	5.0	Năm	CS2 TL
5	24514108	KT01	CT33	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	3.0	Ba	TL
6	23809343	KT02	CT34	Nguyễn Hoài	Thanh	09/10/1984	7.0	Bảy	CS2 TL
7	241280764	YS01	CT35	Chu Thị	Tiến	16/04/1993	7.0	Bảy	TL
8	281202375	YS02	CT28	Chu Đức	Vinh	29/08/1983	7.0	Bảy	TL
9	331414000	YS03	CT24	Nguyễn Đình	Phương	18/11/1981	6.0	Sáu	CS2 TL
10	175022947	YS04	CT25	Hồ Văn	Cường	15/03/1998	6.0	Sáu	CS2 TL
11	77092000827	YS05	CT26	Nguyễn Khắc	Kỳ	19/10/1992	6.0	Sáu	CS2 TL
12	38099005787	YS06	CT27	Vũ Năng	Long	15/03/1999	5.0	Năm	CS2 TL
13	3125187776	YS07	CT23	Lê Thị Ái	Xuân	06/05/2000	7.0	Bảy	CS2 TL
14	212584063	YS08	CT22	Tô Thị Thu	Diễm	27/05/1998	9.0	Chín	CS2 TL
15	164597044	YS09	CT21	Trần Văn	Tuấn	07/06/1997	5.0	Năm	CS2 TL
16	321780507	YS10	CT20	Lê Thị Mộng	Kiều	30/11/1999	5.0	Năm	CS2 TL
17	22099000162	YS11		Đồng Xuân	Lộc	01/01/1999	VT	Vắng thi	CS2 TL
18	334972832	TH01	CT19	Phùng Hoài	Bảo	02/09/2001	6.0	Sáu	
19	79303004909	TH02	CT18	Huỳnh Nguyễn Thảo	Tiên	12/08/2003	5.0	Năm	
20	25873325	TH03	CT13	Tôn Vĩ	Lâm	25/11/1999	9.0	Chín	CS2
21	23746401	TH04	CT14	Nguyễn Quốc	Anh	28/09/1984	8.0	Tám	
22	24766047	TH05	CT15	Đặng Quốc	Việt	27/01/1991	6.5	Sáu phẩy năm	
23	331584444	TH06	CT16	Lê Bình	Nguyên	01/01/1989	8.0	Tám	
24	251223464	TH07	CT17	Nguyễn Minh	Hiếu	10/06/2001	6.0	Sáu	TL
25	1265347066	SH01	CT12	Nguyễn Thị Trúc	Đào	12/10/1999	5.0	Năm	
26	1627972814	SH02	CT09	Trần Nguyễn Kim	Duyên	08/11/1998	5.5	Năm phẩy năm	
27	25491819	SH03	CT10	Trương Thị Thanh	Huyền	17/05/1995	7.0	Bảy	
28	1264498631	SH04	CT11	Bùi Lê Phương	Linh	03/11/1998	7.5	Bảy phẩy năm	
29	79199001656	SH05	CT08	Phạm Thị Xuân	Mai	10/05/1999	5.0	Năm	
30	25763809	SH06	CT03	Trần Thị Anh	Thư	26/01/1998	8.0	Tám	
31	25556297	SH07	CT04	Nguyễn Lê Phương	Vy	19/10/1997	5.0	Năm	

S T T	MSHS	SBD	SỐ PHÁCH	HỌ LÓT	TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
32	25347619	SH08	CT05	Hà Ngọc Thúy	Vy	03/12/1995	9.0	Chín	
33	212476794	SH09	CT06	Nguyễn Vi	Vi	26/05/1998	9.0	Chín	
34	285598958	SH10	CT07	Thị	Hêm	17/06/1905	7.0	Bảy	
35	285683020	SH11	CT02	Thị	Hét	01/01/1997	9.0	Chín	
36	241583866	DD01	CT01	Lê Thị Mỹ	Tiên	26/02/1997	5.0	Năm	CS2 TL

Số HS dự thi: 35 Số HS vắng thi: 1 Ngày 10 tháng 07 năm 2020

HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP BAN KHẢO THÍ

Bùi Minh Trung